

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/DS-ST
Ngày: 24/8/2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phẩm
2. Ông Nguyễn Đình Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Số 187C/11, ấp LT A, xã LP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Bà Trần Kim T, sinh năm 1966

Hộ khẩu thường trú: Số 108/98 TQĐ, P 5, Quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: ấp TB, xã TL, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: Số 439, K1, thị trấn LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Ngô Lê Kim T, sinh năm 1999. (có mặt)

Địa chỉ: ấp HT, xã LA, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 6B, xã LP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/5/2021, tại bản tự khai ngày 05/7/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Nguyên gia đình bà H và bà Trần Kim T là chỗ thâm tình (bà T và chồng bà T nhận mẹ bà H làm mẹ nuôi), nên giữa bà H và bà T thường xuyên qua lại giúp đỡ nhau khi khó khăn, bà H tin tưởng bà T đã cho mượn tiền và đi vay ngân hàng cho bà T mượn tiền, tới ngày đóng tiền ngân hàng thì tự bà T đi đóng hoặc gửi bà H đóng dùm, do tin tưởng bà T nên tất cả các lần bà H cho bà T mượn đều không có giấy tờ nhận nợ. Bà H có cho bà T mượn tiền như sau:

- Ngày 16/4/2020 bà H có vay Ngân hàng FE CRIDIT (vay trên hệ thống mạng của Ngân hàng) với số tiền là 49.000.000 đồng, sau khi vay xong bà H có đưa cho bà T mượn 30.000.000 đồng. Bà T đã đóng Ngân hàng từ ngày 15/5/2020 đến 15/3/2021 là được 11 tháng với số tiền là 14.300.000 đồng (mỗi tháng bà T đóng 1.300.000 đồng). Còn lại nợ 15.700.000 đồng.

- Tháng 7/2020 bà H đã cho bà T mượn 3.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24K.

- Tháng 10/2020 bà H tiếp tục cho bà T mượn 4.000.000 đồng.

- Ngày 10/10/2020 bà H hốt 02 chung hui cho bà T mượn với tổng số tiền 11.145.000 đồng. Bà T đã trả từ tháng 11/2020 đến tháng 3/2021 mỗi tháng là 1.000.000 đồng với số tiền là 5.000.000 đồng. Còn nợ lại là 6.145.000 đồng.

- Ngày 27/01/2021 bà H có vay Ngân hàng HD SaiGon (vay trên hệ thống mạng của Ngân hàng), đến ngày 03/02/2021 bà H nhận được tiền của Ngân hàng, sau khi nhận tiền của Ngân hàng xong bà H có đưa cho bà T mượn số tiền là 20.000.000 đồng, bà T đã đóng được 01 tháng với số tiền là 2.213.000 đồng vào ngày 27/02/2021. Còn nợ lại bà H số tiền 17.787.000 đồng.

Tổng cộng số tiền và vàng bà H đã cho bà T mượn là 68.145.000 đồng và 01 chỉ vàng 24K. Bà T đã trả cho bà H được 21.513.000 đồng. Còn lại nợ bà H là 46.632.000 đồng và 01 chỉ vàng 24K.

Tất cả các lần bà H cho bà T vay tiền đều không có biên nhận nợ. Tuy nhiên bà H đã nộp cho Tòa án 06 đoạn ghi âm và 01 video, trong đó bà T có thừa nhận việc thiếu nợ bà H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà T trả lại 01 chỉ vàng 24K, đồng thời bà H có thay đổi yêu cầu khởi kiện. Bà H chỉ yêu cầu bà Trần Kim T trả cho bà H số tiền nợ còn lại là 46.632.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Các lời khai của bị đơn bà Trần Kim T trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai của người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Kim T là bà Ngô Lê Kim T trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bị đơn bà Trần Kim T không đồng ý toàn bộ, vì bà T không có nợ bà H.

Bà H có nộp cho Tòa án 06 đoạn ghi âm cuộc gọi và 01 video, bà T có ý kiến như sau:

- 06 đoạn ghi âm mà bà H cung cấp cho Tòa án không phải là giọng nói của bà T. Tuy nhiên bà T không yêu cầu trung cầu giám định giọng nói trong 06 đoạn ghi âm mà bà H đã nộp cho Tòa án không phải là giọng nói của bà T. Trường hợp bà H có yêu cầu trung cầu giám định giọng nói của bà T thì bà T cũng không hợp tác để Tòa án lấy mẫu tiếng nói của bà T để giám định.

- 01 video mà bà H cung cấp cho Tòa án bà H thừa nhận người trong đoạn video là bà T, giọng nói trong đoạn video là của bà T, cuộc nói chuyện trong đoạn video là giữa bà T, bà H, bà Hạnh và mẹ của bà H và bà Hạnh.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 08/6/2022, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người làm chứng bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H là chị ruột của bà Nguyễn Thị H, bà Trần Kim T là con nuôi của mẹ bà H và bà H, trước đây bà H có nghe bà Trần Kim T có thiếu nợ bà H nhưng không biết nợ bao nhiêu, nên ngày 19/12/2021 bà H có điện thoại cho bà Trần Kim T sự việc như thế nào, khi bà H điện thoại cho bà T thì bà H có ghi âm lại cuộc nói chuyện điện thoại giữa bà H và bà T, cuộc ghi âm kéo dài khoảng 22 phút: 28 giây, khi lúc nói chuyện với bà T thì bà T có thừa nhận bà T có thiếu nợ bà H bốn mươi mấy triệu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Buộc bị đơn bà Trần Kim T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền là 46.632.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng).

+ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị H về việc: yêu cầu bị đơn bà Trần Kim T trả lại 01 chỉ vàng 24K.

+ Về án phí: Buộc bị đơn bà Trần Kim T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.331.600 đồng (Hai triệu ba trăm ba mươi một nghìn sáu trăm đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tranh chấp hợp đồng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Tân Long, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26;

điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn bà Trần Kim T trả lại 01 chỉ vàng 24K, tại phiên tòa bà H vẫn giữ nguyên việc rút lại yêu cầu này. Xét thấy, việc nguyên đơn bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định của pháp luật, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu rút của nguyên đơn. Tại đơn khởi kiện ngày 31/5/2021 bà H yêu cầu bà T trả số tiền là 47.932.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà H chỉ yêu cầu bà Trần Kim T trả cho bà H số tiền nợ còn lại là 46.632.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng), xét thấy việc thay đổi này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu bị đơn bà Trần Kim T trả cho bà H số tiền là 46.632.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Bà H cho rằng, bà H vay ngân hàng dùm bà T và cho bà T vay nhiều lần với tổng số tiền là 68.145.000 đồng, do bà T là con nuôi của mẹ bà H, chỗ gia đình thân thiết và tin tưởng, nên tất cả các lần cho bà T vay đều không có giấy tờ. Sau khi vay bà T đã trả cho bà H được số tiền là 21.513.000 đồng, còn lại nợ bà H là 46.632.000 đồng. Xét thấy, mặc dù bà H cho bà T vay tiền không có giấy tờ, nhưng bà H đã nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ là 06 đoạn ghi âm và 01 video, trong đó bà T có thừa nhận việc thiếu nợ của bà H. Tòa án đã công khai chứng cứ 06 đoạn ghi âm và 01 video, bà T không thừa nhận tiếng nói trong 06 đoạn ghi âm là của bà T, bà T chỉ thừa nhận hình ảnh và tiếng nói trong video là có của bà T.

- Trong đoạn video thể hiện:

+ Tại phút thứ 03 : 41 giây, bà T nói: *“tôi thiếu chị bốn triệu đúng không hứa với chị rằng đầu ba mươi tháng tư phải hong mười tây tháng năm tôi trả chị bốn triệu đó trả một lần chứ không trả lắt nhắt”*

+ Tại phút thứ 5 : 09 giây, bà H nói: *“tui vẫn vay cho chị hai mươi triệu chị tính sao”*

+ Tại phút thứ 5 : 11 giây, bà T nói: *“cái đó tui vẫn đóng cho chị đồng nghĩa đóng tui cũng trả trả chứ đâu phải tui lấy đâu”*

- Trong đoạn ghi âm cuộc nói chuyện điện thoại giữa bà H với bà T kéo dài 22 phút 28 giây, thể hiện:

+ Tại phút thứ 13 : 47 giây, bà H nói: *“chỉ cần chị nói chị nói ừ chị có số con H mà, chị cứ điện nó đại đi chị thiếu e vậy đó chị có thiếu đó nhưng mà từ từ đi rồi chị có chị sẽ trả, dù sao đi nữa nó cũng vững tâm hơn còn đảng này chị nói chị không có thiếu, rồi á không có thiếu rồi làm sao mà trả được, biết chừng nào trả, mùa dịch này mần nó mần nuôi con không xong nữa có đâu cho chị năm mươi triệu sáu mươi triệu”*

+ Tại phút thứ 14 : 14 giây, bà T nói: *“cái gì năm mươi triệu sáu mươi triệu, có bốn mươi mấy triệu mà nói năm mươi triệu sáu mươi triệu”*

- Trong đoạn ghi âm cuộc nói chuyện điện thoại giữa bà H với bà T kéo dài 37 phút, thể hiện:

+ Tại phút thứ 0 : 18 giây, bà H nói: *“mấy cái hụi mà với mấy cái tiền lãi mà ngân hàng mà tùm lum hôm giờ đóng hai cái phần trên kia hai cái phần ba chục triệu á, với cái phần hai chục triệu á, với hai chục triệu mới lấy á với tiền hụi á là cái đó mỗi tháng chị còn đóng không dạ”*

+ Tại phút thứ 0 : 41 giây, bà T nói: *“ủa còn đóng bình thường, chứ hông đóng đâu, có tháng nào tui không đóng cho bà đâu”*

Ngoài các đoạn ghi âm trên, thì trong các đoạn ghi âm cuộc nói chuyện điện thoại giữa bà H với bà T còn lại mà bà H cung cấp cho Tòa án, nội dung cuộc nói chuyện bà T cũng thừa nhận việc bà H có vay ngân hàng dùm bà T và thiếu tiền bà T.

Do trong quá trình giải quyết vụ án bà T không thừa nhận tiếng nói của bà T trong 06 đoạn ghi âm cuộc nói chuyện điện thoại mà bà H cung cấp cho Tòa án, nên bà H có yêu cầu giám định tiếng nói để chứng minh, tòa án đã giải thích cho bà T về quyền và nghĩa vụ của đương sự trong việc cung cấp chứng cứ chứng minh nhưng bà T không hợp tác cung cấp tiếng nói để trưng cầu giám định. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về việc đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó nhưng bà T không cung cấp, do đó bà T phải chịu hậu quả của việc không cung cấp đó.

Từ những căn cứ trên, xét nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu bị đơn bà Trần Kim T trả cho bà H số tiền là 46.632.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng), là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên, nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn bà Trần Kim T phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch là 46.632.000 đồng x 5% = 2.331.600 đồng (Hai triệu ba trăm ba mươi một nghìn sáu trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bị đơn bà Trần Kim T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền là 46.632.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị H về việc: yêu cầu bị đơn bà Trần Kim T trả lại 01 chỉ vàng 24K.

Nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu đình chỉ theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc bị đơn bà Trần Kim T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.331.600 đồng (Hai triệu ba trăm ba mươi một nghìn sáu trăm đồng).

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.330.800 đồng (Một triệu ba trăm ba mươi nghìn tám trăm đồng) theo biên lai thu số 0006933, ngày 01/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít.

Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được qui định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Mang Thít;
- Chi cục THADS huyện Mang Thít;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Bích

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Bích

